

Bản án số: 155/2023/DS-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tự
- Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 806/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2025/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3250/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ trụ sở: Số C H, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tô Bạch P, sinh năm 1982 (Quyết định số 216/BIDV.BTA-QLRR ngày 15 tháng 8 năm 2022) là người đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Ông Lư Quốc T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số E (nay là số F) đường L, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Ngọc Á, sinh năm 1968

- Bà Lê Tuyết N, sinh năm 1971
- Ông Phạm Minh N1, sinh năm 1993
- Bà Phạm Ngọc Y, sinh năm 1998
- Trẻ Phạm Ngọc T1, sinh năm 2006.

Cùng địa chỉ: Số D đường F, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 ông Lư Quốc T vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/13474572/HĐTD có nội dung: Số tiền vay là 1.400.000.000 đồng, mục đích vay là Thanh toán tiền mua nhà ở và thửa đất tại địa chỉ 4 đường số F, phường L, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay là 240 tháng.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nêu trên là nhà đất tại địa chỉ Số D đường số F, phường L, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 030/2007/QSHNƠ & QSDĐO do Ủy ban nhân dân Quận I cấp cho ông Phạm Ngọc Á và bà Lê Tuyết N ngày 01 tháng 8 năm 2007, cập nhật biến động cho ông Lư Quốc T do Văn Phòng Đăng ký đất đai Thành phố H Chi nhánh Q cấp ngày 03 tháng 4 năm 2020) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản được Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 05788, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 4 năm 2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 4 năm 2020.

Ngày 01 tháng 4 năm 2020 nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 1.400.000.000 đồng theo Bảng kê rút vốn /Hợp đồng tín dụng cụ thể và Ủy nhiệm chi số 0072.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn cố tình không hoàn trả nợ vay. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án như sau: Buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 09 tháng 6 năm 2023 là 1.695.883.256 đồng (nợ gốc là 1.353.360.000 đồng, lãi trong hạn là 331.807.860 đồng, lãi quá hạn là 10.715.396 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/13474572/HĐTD ngày 27 tháng 3 năm 2020

Ngoài ra bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 10 tháng 6 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là nhà đất tại địa chỉ Số D đường số F, phường L, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc A trình bày: Ông yêu cầu Ngân hàng cho thời gian 6 tháng để tự liên hệ với bị đơn để giải quyết khoản vay liên quan đến nhà đất tại địa chỉ Số D đường số F, phường L, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, nếu không yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà Lê Tuyết N, Phạm Minh N1, Phạm Ngọc Y, trẻ Phạm Ngọc T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh và nguyên đơn có đơn lựa chọn Tòa án giải quyết là Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà Lê Tuyết N, Phạm Minh N1, Phạm Ngọc Y, trẻ Phạm Ngọc T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà Lê Tuyết N, Phạm Minh N1, Phạm Ngọc Y, Trẻ Phạm Ngọc T1 phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 1.353.360.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/13474572/HĐTD ngày 27 tháng 3 năm 2020, Bảng kê rút vốn /Hợp đồng tín dụng cụ thể và Ủy nhiệm chi số 0072 ngày 01 tháng 4 năm 2020. Khoản vay này có tài sản bảo đảm là nhà đất tại địa chỉ Số D đường số F, phường L, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

[5] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại của hợp đồng này dù chưa đến hạn sang nợ quá hạn phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng; Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng N2 (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 1.353.360.000 đồng nợ gốc, 331.807.860 đồng lãi

trong hạn, 10.715.396 đồng lãi quá hạn đến ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Hợp đồng tín dụng số 02/2020/13474572/HĐTD ngày 27 tháng 3 năm 2020, Bảng kê rút vốn /Hợp đồng tín dụng cụ thể và Ủy nhiệm chi số 0072 ngày 01 tháng 4 năm 2020 là có căn cứ để được chấp nhận.

[6] Xét Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất tại địa chỉ Số D đường số F, phường L, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 030/2007/QSHNƠ & QSDĐO do Ủy ban nhân dân Quận I cấp cho ông Phạm Ngọc A và bà Lê Tuyết N ngày 01 tháng 8 năm 2007, cập nhật biến động cho ông Lư Quốc T do Văn Phòng Đăng ký đất đai Thành phố H Chi nhánh Q cấp ngày 03 tháng 4 năm 2020) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản được Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 05788, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 4 năm 2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 4 năm 2020 để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên cũng như quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ để được chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[9] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 158, khoản 2 Điều 227, Điều 235, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ,

Buộc ông Lư Quốc T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 1.353.360.000 đồng nợ gốc, 331.807.860 đồng lãi trong hạn, 10.715.396 đồng lãi quá hạn tính đến ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/13474572/HĐTD ngày 27 tháng 3 năm 2020, Bảng kê rút vốn /Hợp đồng tín dụng cụ thể và Ủy nhiệm chi số 0072 ngày 01 tháng 4 năm 2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp ông Lư Quốc T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất tại địa chỉ Số D đường số F, phường L, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 030/2007/QSHNƠ & QSDĐƠ do Ủy ban nhân dân Quận I cấp cho ông Phạm Ngọc Á và bà Lê Tuyết N ngày 01 tháng 8 năm 2007, cập nhật biến động cho ông Lư Quốc T do Văn Phòng Đăng ký đất đai Thành phố H Chi nhánh Q cấp ngày 03 tháng 4 năm 2020) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản được Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 05788, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 4 năm 2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 4 năm 2020.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lư Quốc T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 15.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Lư Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.876.498 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 56.119.134 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004764 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Mai

